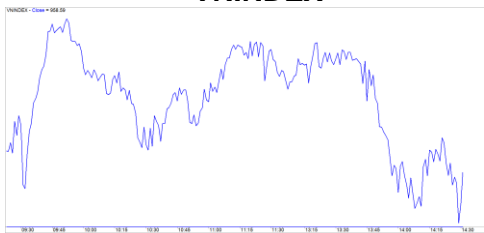


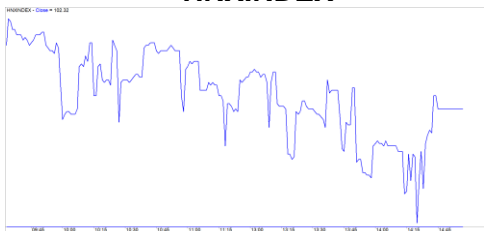
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	958.59	102.32	55.66
% ngày	-0.24%	-0.59%	0.11%
% tuần	0.66%	0.31%	0.34%
% tháng	-1.86%	-1.61%	-0.55%
% năm	7.50%	0.04%	6.65%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,712	557	240
TB 1 tuần	4,345	504	226
TB 1 tháng	4,521	350	221
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	364.44	2.20	12.05
Bán	298.11	1.99	12.63
Giá trị ròng	66.33	0.21	-0.58
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	124	59	187
Mã Giảm	166	68	94
Không Đổi	100	244	622
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.70	9.17	17.08
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,287	194	939
LS Cổ tức	2.30%	4.26%	4.12%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên đi ngang trong biên độ hẹp. Lực bán mạnh ở một số bluechip trong phiên chiều khiến chỉ số đóng cửa với mức giảm nhẹ 0.24% dừng tại 958.59 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm 0.59% neo tại 102.32 điểm trong khi Upcom-Index tăng nhẹ. Giá trị giao dịch khớp lệnh sụt giảm 15% so với phiên liền trước đạt hơn 2,650 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

ROS bất ngờ bị bán tháo trong phiên chiều khi giảm hết biên độ chốt phiên tại 21,450 đồng/cp. BID giảm 2.3% nhưng khối lượng thấp chỉ đạt hơn 500 nghìn cp. Ngoài BVH(-1%), GMD(-1.9%), mức giảm không đáng kể ở các mã giảm còn lại trong VN30-Index. Ở chiều tích cực, MSN hồi phục phiên thứ 3 liên tiếp trong đó khối ngoại cũng đã quay lại mua ròng mạnh cổ phiếu này. PNJ cũng là cổ phiếu gây chú ý với khối lượng đạt hơn 1,1 triệu cp tăng 54% so với phiên liền trước trong khi giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay. Một số cổ phiếu giảm mạnh vừa qua như VRC, TNA, HAI vẫn chưa có dấu hiệu thuyên giảm khi tiếp tục giảm hết biên độ. Ở chiều ngược lại, DLG(+7%), CCL(+6.9%), TTB(+4.3%) là các mã có giao dịch tích cực.

Khối ngoại mua ròng với giá trị 66 tỷ đồng. MSN(+43 tỷ), HPG(+18.1 tỷ) dẫn đầu chiều mua ròng. Ở chiều ngược lại, VIC(18.6 tỷ), VHM(+12 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục tích lũy trong 1 – 2 phiên giao dịch kế tiếp và chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục biến động trong vùng giá 960 – 963 điểm. Đồng thời, chúng tôi đánh giá giai đoạn tích lũy sẽ sớm kết thúc, điều này cho thấy xu hướng ngắn hạn sẽ rõ ràng hơn. Tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn là thận trọng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn tiếp tục đứng ngoài thị trường và hạn chế bán ra ở vùng giá hiện tại. Đồng thời, nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao và vừa phải thì vẫn có thể xem xét mua mới với tỷ trọng khuyến nghị hiện tại.

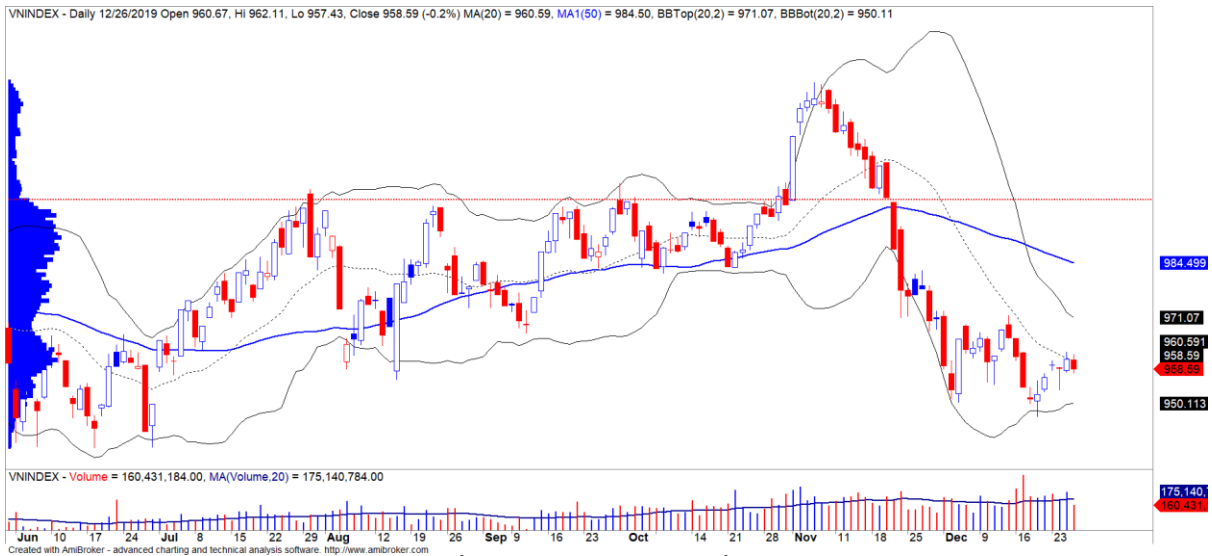
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 38% cổ phiếu/62% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.75	GIẢM	GIẢM		13.19				15.40		
ACB	22.60	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.83%	
ACV	77.00	TĂNG	GIẢM	74.00	73.19	4.05%			78.74		
ANV	22.00	GIẢM	GIẢM		22.77				25.65		
ASM	6.65	GIẢM	GIẢM		7.11				7.24		
BFC	11.90	GIẢM	GIẢM		12.65				14.35		
BID	44.20	TĂNG	TĂNG	41.90	42.81	5.49%		33.40	38.49	32.34%	
BMP	46.95	TĂNG	TĂNG	49.00	46.21	-4.18%		48.30	46.42	-2.80%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.68				10.33		
BVH	68.00	GIẢM	GIẢM		73.36				73.44		
BWE	24.30	TĂNG	GIẢM	25.10	24.26	-3.19%			25.84		
CEO	9.60	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	3.23%			9.80		
CII	22.30	GIẢM	TĂNG		23.14			24.45	22.23	-8.79%	
CMG	35.90	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	54.74%	
CMX	14.80	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	13.70	GIẢM	GIẢM		14.26				15.29		
CTD	55.20	GIẢM	GIẢM		58.41				75.27		
CTG	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	19.93	0.00%			21.78		
CTR	40.70	TĂNG	N/A	43.30	40.08	-6.00%		-	N/A		
CVT	20.60	GIẢM	GIẢM		21.11				22.85		
DCM	6.70	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGC	25.00	GIẢM	TĂNG		26.69			29.70	24.95	-15.82%	
DGW	23.25	TĂNG	GIẢM	23.25	22.85	0.00%	MUA		25.88		
DHA	30.75	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-3.45%			32.52		
DHC	37.20	GIẢM	TĂNG		40.16			37.70	36.98	-1.33%	
DHG	92.00	GIẢM	GIẢM		93.96				99.56		
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.00	13.31	-1.43%			14.69		
DPG	42.00	GIẢM	GIẢM		43.55				50.35		
DPM	13.35	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DPR	39.30	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.21	-4.84%	
DQC	15.65	GIẢM	GIẢM		16.17				17.68		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	6.94%	
DXG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.59				16.12		
EIB	17.10	GIẢM	TĂNG		17.60			18.40	16.46	-7.07%	
FCN	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		



We Create Fortune

FMC	27.45	TĂNG	TĂNG	27.45	27.05	0.00%		31.60	26.18	-13.13%	
FPT	57.40	TĂNG	TĂNG	57.00	55.10	0.70%		46.00	54.99	24.78%	
GAS	96.20	GIẢM	GIẢM		99.23				107.33		
GEX	19.40	GIẢM	GIẢM		20.10				21.34		
GIL	17.15	GIẢM	GIẢM		17.87				20.72		
GMD	23.50	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-0.42%			25.29		
GTN	20.40	GIẢM	TĂNG	21.70	21.06	-2.95%	BÁN	15.00	19.49	36.00%	
GVR	10.70	GIẢM	N/A		11.61				N/A		
HAG	4.08	TĂNG	GIẢM	3.86	3.82	5.70%			4.22		
HAX	16.35	GIẢM	GIẢM		17.64				20.95		
HBC	11.05	TĂNG	GIẢM	10.70	9.70	3.27%			12.69		
HCM	20.80	GIẢM	GIẢM		21.89			23.40	22.07	-5.68%	BÁN
HDB	26.50	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HDC	24.60	TĂNG	TĂNG	23.10	22.59	6.49%		15.25	20.25	61.31%	
HDG	31.10	GIẢM	GIẢM		31.80				35.72		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.71				15.88		
HPG	23.00	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-3.56%	
HSG	7.90	GIẢM	TĂNG	8.40	8.00	-4.77%	BÁN	7.75	7.30	1.94%	
HT1	14.75	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-12.72%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	0.98%		15.35	14.00	0.33%	
KDH	26.85	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	11.88%	
KSB	17.60	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	-0.85%			19.42		
LCG	8.40	TĂNG	GIẢM	8.54	7.97	-1.64%			8.76		
LDG	8.63	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.59				8.13		
MBB	20.85	GIẢM	GIẢM		21.66				23.33		
MPC	22.00	TĂNG	GIẢM	20.10	19.84	9.45%			23.55		
MSN	57.00	GIẢM	GIẢM		57.22				66.96		
MSR	16.20	TĂNG	TĂNG	14.40	12.58	12.50%			16.17		
MWG	113.30	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	-0.09%			122.49		
NDN	17.80	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	2.30%		13.70	16.27	29.93%	
NKG	6.78	GIẢM	TĂNG		7.04			7.11	5.98	-4.64%	
NLG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.35	26.30	-0.18%		28.70	26.30	-4.88%	
NT2	21.70	GIẢM	GIẢM		22.18				23.98		
NTL	24.90	TĂNG	TĂNG	24.40	23.42	2.05%			24.88		
NVL	56.90	GIẢM	GIẢM		57.48				60.56		



We Create Fortune

OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.85				10.73		
PAC	25.15	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-2.52%			27.90		
PC1	17.40	GIẢM	GIẢM		18.12				20.37		
PDR	25.50	GIẢM	TĂNG		26.46			29.00	25.19	-12.07%	
PHR	40.55	GIẢM	GIẢM		44.50				61.55		
PLX	55.90	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	85.60	TĂNG	TĂNG	84.70	82.27	1.06%		77.07	78.71	11.06%	
POW	12.25	GIẢM	GIẢM		12.73				13.78		
PVT	16.65	GIẢM	TĂNG		16.94			18.30	16.28	-9.02%	
PPC	26.90	TĂNG	TĂNG	26.81	26.31	0.33%		28.40	24.39	-5.28%	
PTB	71.00	GIẢM	TĂNG		72.20			64.00	68.51	10.94%	
PVB	18.50	GIẢM	GIẢM		19.03				20.92		
PVD	14.90	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		31.80				34.16		
PVS	17.70	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-0.56%			19.30		
PXS	5.78	TĂNG	TĂNG	5.78	5.70	0.00%	MUA	6.20	4.88	-6.77%	
QNS	28.70	GIẢM	TĂNG		29.23			33.80	28.38	-15.09%	
REE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	6.53%	
SAB	233.40	GIẢM	GIẢM		239.74				255.47		
SAM	8.18	TĂNG	TĂNG	8.15	7.94	0.37%		7.40	7.58	10.54%	
SCR	6.02	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	1.52%		6.33	5.21	-4.90%	
SHI	9.07	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	29.76%	
SJS	16.85	GIẢM	GIẢM		16.92				16.88		
SKG	12.00	TĂNG	TĂNG	11.60	11.85	3.45%			11.70		
SSI	18.25	GIẢM	GIẢM		18.95				21.22		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28				10.82		
TCB	23.05	GIẢM	GIẢM		23.36				24.91		
TCM	19.00	GIẢM	GIẢM	19.95	19.14	-4.06%	BÁN		22.29		
TDH	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TLH	4.53	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	11.58%		4.48	4.43	1.12%	MUA
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	1.32%			16.69		
VCB	89.40	TĂNG	TĂNG	87.50	86.39	2.17%		62.00	84.02	44.19%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%		19.20	25.47	40.10%	
VCS	79.40	GIẢM	GIẢM		83.53				91.56		
VGC	18.10	GIẢM	GIẢM		18.37				19.51		
VGT	8.20	GIẢM	GIẢM		8.67				8.95		
VHC	78.90	GIẢM	GIẢM		80.15				83.84		
VHM	84.20	GIẢM	GIẢM		86.95				99.60		
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.40	17.08	1.72%		17.70	16.56	0.00%	



We Create Fortune

VIC	115.40	GIẢM	TĂNG		117.67			112.00	113.76	3.04%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	143.70	GIẢM	TĂNG		144.27			124.50	138.01	15.42%	
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		20.15				22.24		
VNM	117.00	GIẢM	GIẢM		120.32				127.91		
VPB	19.70	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VPI	41.45	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.36%	
VRC	20.80	GIẢM	TĂNG		24.71			17.30	20.78	20.23%	
VRE	33.30	GIẢM	TĂNG		33.79			35.05	32.08	-4.99%	
VSC	26.40	TĂNG	GIẢM	25.45	24.80	3.73%			26.67		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.60	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.83%	
BID	44.20	TĂNG	TĂNG	41.90	42.81	5.49%		33.40	38.49	32.34%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.68				10.33		
BVH	68.00	GIẢM	GIẢM		73.36				73.44		
CTG	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	19.93	0.00%			21.78		
FPT	57.40	TĂNG	TĂNG	57.00	55.10	0.70%		40.23	54.99	42.69%	
GAS	96.20	GIẢM	GIẢM		99.23				107.33		
GEX	19.40	GIẢM	GIẢM		20.10				21.34		
GVR	10.70	GIẢM	N/A		11.61				N/A		
HDB	26.50	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.71				15.88		
HPG	23.00	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-3.56%	
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KDH	26.85	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	11.88%	
MBB	20.85	GIẢM	GIẢM		21.66				23.33		
MSN	57.00	GIẢM	GIẢM		57.22				66.96		
MWG	113.30	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	-0.09%			122.49		
NVL	56.90	GIẢM	GIẢM		57.48				60.56		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.85				10.73		
PLX	55.90	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	85.60	TĂNG	TĂNG	84.70	82.27	1.06%		77.07	78.71	11.06%	
POW	12.25	GIẢM	GIẢM		12.73				13.78		



We Create Fortune

QNS	28.70	GIẢM	TĂNG		29.23			33.26	28.38	-13.70%	
REE	35.50	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	6.53%	
ROS	21.45	GIẢM	GIẢM		24.46				26.78		
SBT	18.50	GIẢM	TĂNG		18.58			17.50	17.46	5.71%	
SSI	18.25	GIẢM	GIẢM		18.95				21.22		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.28				10.82		
TCB	23.05	GIẢM	GIẢM		23.36				24.91		
TPB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.53				23.94		
VCB	89.40	TĂNG	TĂNG	87.50	86.39	2.17%		62.00	84.02	44.19%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%		18.44	25.47	45.87%	
VCS	79.40	GIẢM	GIẢM		83.53				91.56		
VEA	43.00	GIẢM	GIẢM		45.83				59.45		
VGI	25.20	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-5.97%			N/A		
VHM	84.20	GIẢM	GIẢM		86.95				99.60		
VIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.40	17.08	1.72%		15.00	16.56	17.96%	
VIC	115.40	GIẢM	TĂNG		117.67			112.00	113.76	3.04%	
VJC	143.70	GIẢM	TĂNG		144.27			124.50	138.01	15.42%	
VNM	117.00	GIẢM	GIẢM		120.32				127.91		
VPB	19.70	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VRE	33.30	GIẢM	TĂNG		33.79			35.05	32.08	-4.99%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.75	GIẢM	GIẢM		13.19				15.40		
ANV	22.00	GIẢM	GIẢM		22.77				25.65		
ASM	6.65	GIẢM	GIẢM		7.11				7.24		
BMI	25.15	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-5.81%	
BMP	46.95	TĂNG	TĂNG	49.00	46.21	-4.18%		48.30	46.42	-2.80%	
BWE	24.30	TĂNG	GIẢM	25.10	24.26	-3.19%			25.84		
CEO	9.60	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	3.23%			9.80		
CII	22.30	GIẢM	TĂNG		23.14			24.45	22.23	-8.79%	
CRE	24.30	TĂNG	GIẢM	24.20	23.67	0.41%			25.03		
CTI	20.40	GIẢM	GIẢM		21.91				24.28		
CTR	40.70	TĂNG	GIẢM	43.30	40.08	-6.00%			50.54		
D2D	79.40	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-4.45%	
DBD	53.90	GIẢM	GIẢM		57.43			38.65	54.36	40.64%	



We Create Fortune

DCM	6.70	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGW	23.25	TĂNG	GIẢM	23.25	22.85	0.00%	MUA		25.88		
DHC	37.20	GIẢM	TĂNG		40.16			37.70	36.98	-1.33%	
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.00	13.31	-1.43%			14.69		
DPG	42.00	GIẢM	GIẢM		43.55				50.35		
DPM	13.35	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DRC	23.10	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	6.94%	
DXG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.59				16.12		
E1VFN30	14.50	GIẢM	GIẢM		14.74				15.56		
FCN	10.05	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.70	TĂNG	TĂNG	4.61	4.56	1.95%		4.63	4.02	1.51%	
GEG	26.75	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	113.96%	
GMD	23.50	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-0.42%			25.29		
GTN	20.40	GIẢM	TĂNG	21.70	21.06	-2.95%	BÁN	15.00	19.49	36.00%	
HAG	4.08	TĂNG	GIẢM	3.86	3.82	5.70%			4.22		
HBC	11.05	TĂNG	GIẢM	10.70	9.70	3.27%			12.69		
HCM	20.80	GIẢM	GIẢM		21.89			23.40	22.07	-5.68%	BÁN
HDC	24.60	TĂNG	TĂNG	23.10	22.59	6.49%		15.25	20.25	61.31%	
HDG	31.10	GIẢM	GIẢM		31.80				35.72		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.90	GIẢM	TĂNG	8.40	8.00	-4.77%	BÁN	7.75	7.30	1.94%	
HT1	14.75	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-12.72%	
HTM	18.20	TĂNG	GIẢM	16.00	15.26	13.75%			18.47		
IBC	20.40	GIẢM	GIẢM		20.64				21.22		
IDI	5.16	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-5.32%			5.89		
IJC	16.10	TĂNG	TĂNG	14.65	14.32	9.90%		13.10	12.68	22.90%	
ITA	2.81	GIẢM	GIẢM		2.84				3.14		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	0.98%		14.85	14.00	3.73%	
KDC	19.50	TĂNG	TĂNG	19.50	19.15	0.00%	MUA	20.82	18.08	-6.32%	
KOS	27.80	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.73%		26.30	25.20	5.70%	
KSB	17.60	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	-0.85%			19.42		
LDG	8.63	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LPB	7.30	GIẢM	GIẢM		7.59				8.13		
MBG	27.90	TĂNG	GIẢM	31.00	21.93	-10.00%			45.18		
MBS	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	0.00%			15.75		
MPC	22.00	TĂNG	GIẢM	20.10	19.84	9.45%			23.55		
NBB	19.50	GIẢM	GIẢM		21.00				22.02		
NKG	6.78	GIẢM	TĂNG		7.04			7.11	5.98	-4.64%	

We Create Fortune

NLG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.35	26.30	-0.18%		26.28	26.30	3.88%	
NT2	21.70	GIẢM	GIẢM		22.18				23.98		
NTL	24.90	TĂNG	TĂNG	24.40	23.42	2.05%			24.88		
NVB	9.50	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	25.00%		8.50	8.32	11.76%	
OGC	3.54	TĂNG	GIẢM	3.75	3.51	-5.60%			4.07		
PC1	17.40	GIẢM	GIẢM		18.12				20.37		
PDR	25.50	GIẢM	TĂNG		26.46			23.59	25.19	8.07%	
PHR	40.55	GIẢM	GIẢM		44.50				61.55		
PPC	26.90	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-4.95%		28.40	24.39	-5.28%	
PTB	71.00	GIẢM	TĂNG		72.20			60.78	68.51	16.81%	
PVD	14.90	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		31.80				34.16		
PVS	17.70	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-0.56%			19.30		
PVT	16.65	GIẢM	TĂNG		16.94			17.31	16.28	-3.79%	
QCG	4.08	GIẢM	GIẢM		4.31				4.80		
SCR	6.02	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	1.52%		6.33	5.21	-4.90%	
SGP	7.20	GIẢM	GIẢM		7.38				9.54		
SHB	6.10	TĂNG	GIẢM	6.40	5.95	-4.69%			6.72		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		8.00			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	18.10	TĂNG	#N/A	17.85	16.78	1.40%			#N/A		
TCH	31.20	TĂNG	TĂNG	30.05	28.36	3.83%		26.15	25.35	19.31%	
TCM	19.00	GIẢM	GIẢM	19.95	19.14	-4.06%	BÁN		22.29		
TDH	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	1.32%			16.69		
TTB	4.35	GIẢM	GIẢM		4.78				8.85		
VGC	18.10	GIẢM	GIẢM		18.37				19.51		
VGT	8.20	GIẢM	GIẢM		8.67				8.95		
VHC	78.90	GIẢM	GIẢM		80.15				83.84		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		20.15				22.24		
VPI	41.45	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.36%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.30	TĂNG	GIẢM	8.30	7.50	0.00%			9.32		
AGR	3.42	GIẢM	GIẢM		3.57				4.02		

We Create Fortune

AMD	2.13	GIẢM	TĂNG		2.74			1.70	1.93	25.29%	
APG	9.70	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	10.73%		9.90	8.56	-2.02%	
ART	2.60	GIẢM	TĂNG	2.00	2.62	31.22%	BÁN	2.30	1.77	13.04%	
BCG	8.11	GIẢM	TĂNG		8.50			6.39	7.47	26.92%	
C4G	6.30	TĂNG	GIẢM	6.30	5.89	0.00%			6.98		
C69	10.50	TĂNG	GIẢM	10.80	8.83	-2.78%			16.38		
CCL	7.71	TĂNG	TĂNG	6.80	6.91	13.38%		7.88	5.66	-2.16%	
CVT	20.60	GIẢM	GIẢM		21.11				22.85		
DAH	10.70	TĂNG	GIẢM	9.99	10.70	7.11%			11.27		
DLG	1.97	TĂNG	TĂNG	1.80	1.74	9.44%		1.71	1.65	15.20%	MUA
DRH	4.39	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83		
DTD	10.70	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-3.60%			13.12		
EVG	2.69	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90		
FIT	10.50	TĂNG	TĂNG	4.49	9.43	133.85%		3.64	5.82	188.46%	
FTM	2.19	GIẢM	GIẢM		2.50				4.64		
FUES SV50	12.60	GIẢM	GIẢM		12.66				13.19		
GKM	15.10	TĂNG	TĂNG	15.00	14.59	0.67%		14.90	14.79	1.34%	MUA
HAH	11.70	GIẢM	GIẢM		12.24				13.80		
HAI	3.26	GIẢM	TĂNG		4.21			1.88	2.75	73.40%	
HAR	3.94	GIẢM	TĂNG		4.94			3.90	3.49	1.03%	
HDA	10.20	GIẢM	GIẢM		10.69				11.79		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.22		
HHS	3.21	GIẢM	TĂNG		3.54			3.36	2.94	-4.46%	
HID	2.44	TĂNG	TĂNG	2.36	2.24	3.39%		2.63	2.16	-7.22%	
HII	9.66	GIẢM	GIẢM		10.10				11.16		
HQC	1.20	TĂNG	TĂNG	1.23	1.16	-2.44%		1.16	1.10	3.45%	MUA
HSL	7.57	GIẢM	GIẢM		8.01				8.77		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVG	8.17	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	4.48%		3.90	6.94	109.49%	
HVH	17.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.42	0.00%			19.76		
IDJ	5.90	GIẢM	TĂNG		6.52			7.20	5.42	-18.06%	
JVC	3.42	GIẢM	GIẢM		3.83				4.75		
KLF	1.70	TĂNG	TĂNG	1.40	1.60	21.43%		1.50	1.03	13.33%	
LCG	8.40	TĂNG	GIẢM	8.54	7.97	-1.64%			8.76		
LGL	7.80	GIẢM	GIẢM		8.33			7.11	8.39	17.90%	BÁN
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LMH	10.60	GIẢM	#N/A		12.68				#N/A		
MST	5.10	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	50.00%	



We Create Fortune

NDN	17.80	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	2.30%		13.10	16.27	35.83%	
PHC	10.90	GIẢM	GIẢM		11.24				12.18		
PLP	9.89	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.50	GIẢM	GIẢM		19.03				20.92		
PVC	6.60	GIẢM	GIẢM		6.96			6.70	6.66	-0.65%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
PXL	7.80	GIẢM	TĂNG		8.17			6.70	6.64	16.42%	
SHI	9.07	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	57.32%	
SJF	2.25	GIẢM	GIẢM		2.35				2.74		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.20				2.60		
TDC	8.36	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-4.46%			9.04		
TIG	6.70	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.49	109.38%	
TLH	4.53	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	11.58%		4.48	4.43	1.12%	MUA
TNA	23.35	GIẢM	TĂNG		27.77			11.45	22.14	103.91%	
TNI	10.65	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-2.29%	
TSC	3.05	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	3.39%			3.45		
TTF	2.70	TĂNG	GIẢM	2.74	2.60	-1.46%			3.03		
TTH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.73				3.02		
TVC	17.50	TĂNG	TĂNG	16.90	17.16	3.55%		14.30	14.73	22.38%	
VC3	16.60	GIẢM	TĂNG		17.25			22.00	16.32	-24.55%	
VCR	12.40	GIẢM	GIẢM		12.98				19.21		
VNA	3.10	TĂNG	GIẢM	3.50	2.94	-11.43%			4.93		
VNE	3.63	GIẢM	GIẢM		3.81				3.70		
VRC	20.80	GIẢM	TĂNG		24.71			17.30	20.78	20.23%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	958.59	-0.24%
VN30	872.07	-0.13%
VN Mid	927.94	-0.02%
VN Small	792.54	-0.61%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.32	-0.59%
HN30	180.33	-0.43%
VNX AllSh	841.2	-0.09%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.66	0.11%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	364.44	
Bán	298.11	
GT rỗng	66.33	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.20	
Bán	1.99	
GT rỗng	0.21	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.05	
Bán	12.63	
GT rỗng	-0.58	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DLG	120	6.49%
DGW	950	4.26%
LCG	270	3.32%
NHH	1400	3.29%
HBC	350	3.27%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TAR	400	1.37%
NTP	300	0.93%
PVI	200	0.65%
CEO	0	0.00%
HUT	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	2100	14.89%
HTM	1700	10.30%
PXL	300	4.00%
MPC	700	3.29%
ACV	1000	1.32%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	-1600	-6.94%
VRC	-1550	-6.94%
HAI	-240	-6.86%
GTN	-1500	-6.85%
DCL	-1300	-4.06%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	-3100	-10.00%
CSC	-3700	-9.95%
AMV	-500	-2.00%
SHB	-100	-1.61%
TIG	-100	-1.47%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	-200	-3.08%
BSR	-200	-2.41%
VEA	-1000	-2.27%
OIL	-100	-1.20%
BOT	-100	-0.18%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,734	
VCB	331,574	
VHM	276,977	
VNM	203,741	
GAS	184,122	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,437	
VCS	12,704	
VCG	11,882	
PVS	8,460	
SHB	7,339	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	169,288	
VEA	56,067	
MCH	50,755	
GVR	43,024	
BCM	30,829	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VSH	58,591,350	20,974
ROS	21,162,200	32,509,282
EIB	18,290,760	79,381
FLC	12,603,080	10,111,191
DLG	9,275,900	7,008,745

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VCG	8,459,908	177,219
ART	4,706,160	2,448,210
SHB	3,531,985	2,162,877
KLF	3,416,824	2,796,881
NVB	3,018,431	1,425,977

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,586,621	1,443,048
HTM	1,361,750	255,861
C4G	702,800	260,952
CPW	651,374	82
TNB	635,300	12,191

Nguồn: Bloomberg & YSVN

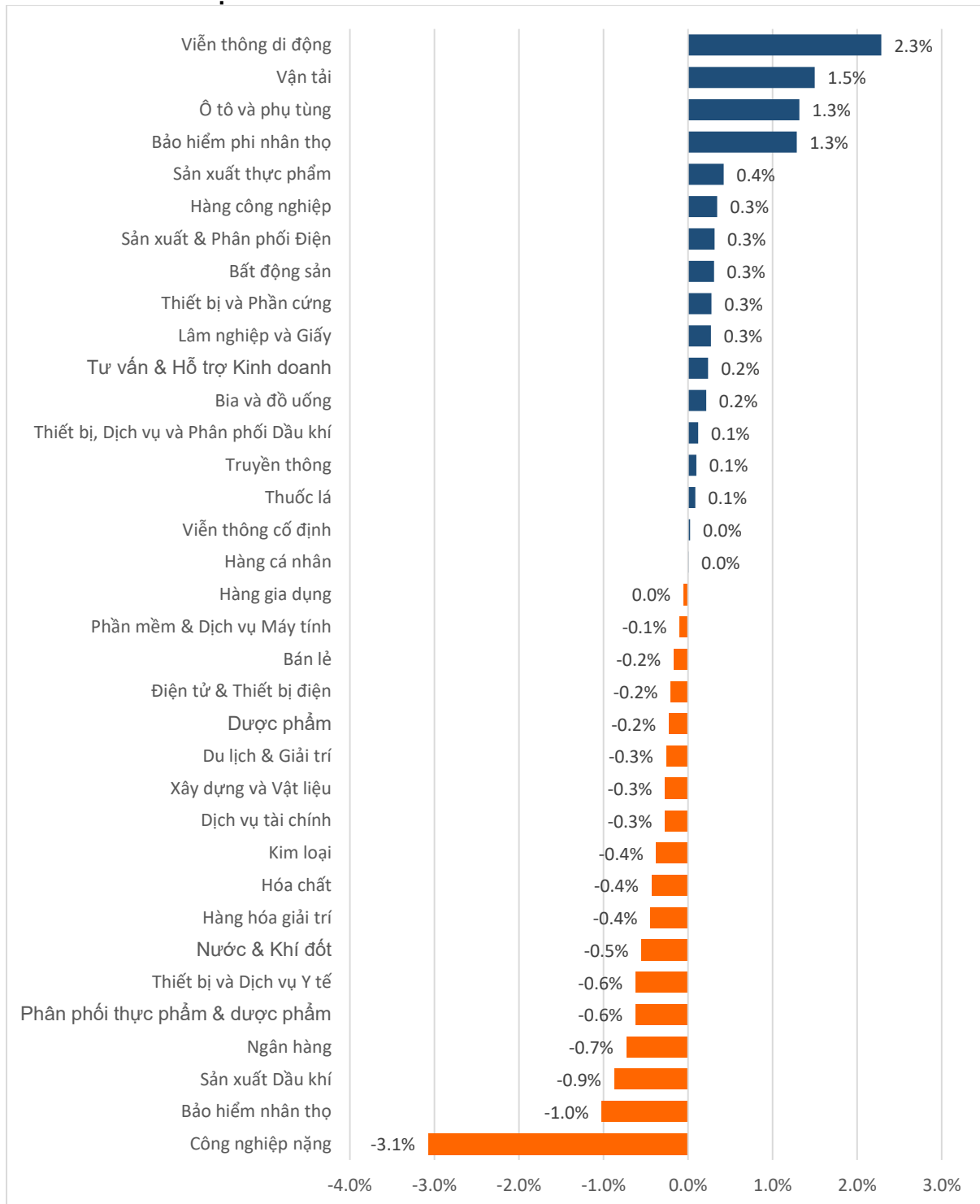
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



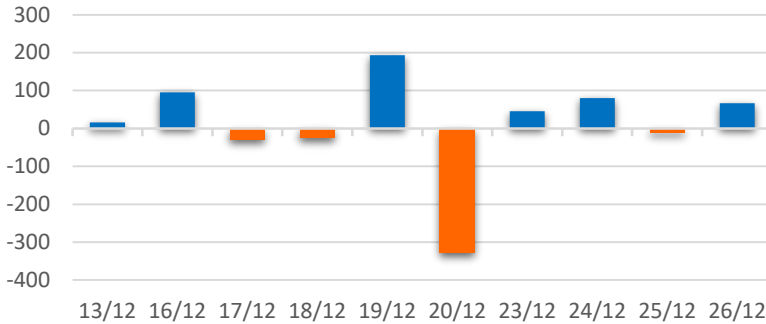
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

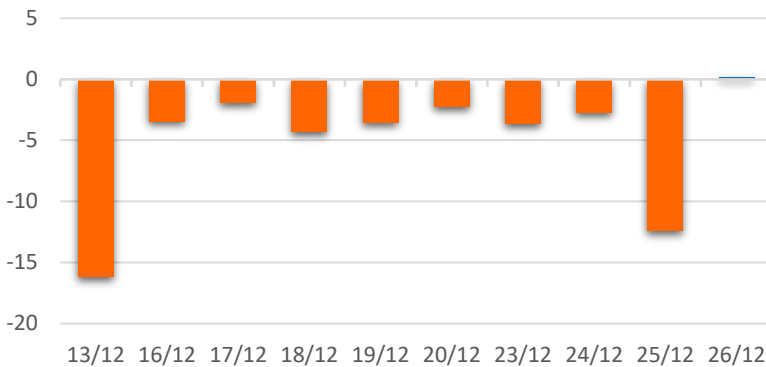
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	43,125	VIC	18,594
HPG	18,168	VHM	12,054
VRE	11,941	VPI	10,250
DXG	11,052	VCB	6,380
ROS	7,584	PVD	5,970

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

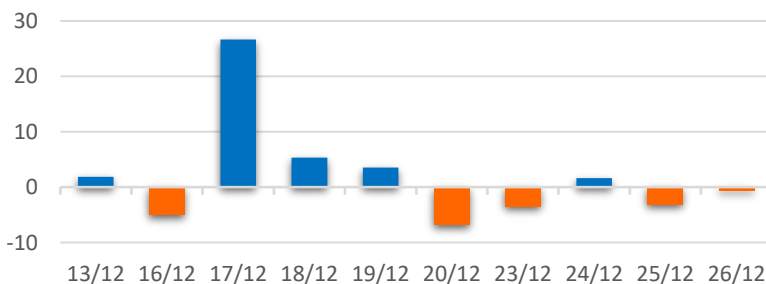
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
IDC	601	HUT	724
TIG	509	NTP	434
LAS	194	PTI	111
NRC	100	VCG	89
PVS	97	THB	56

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



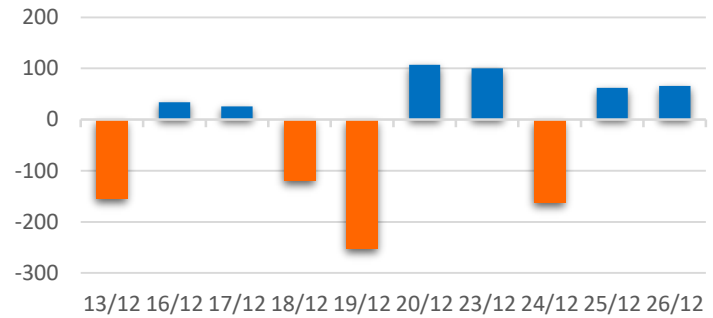
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

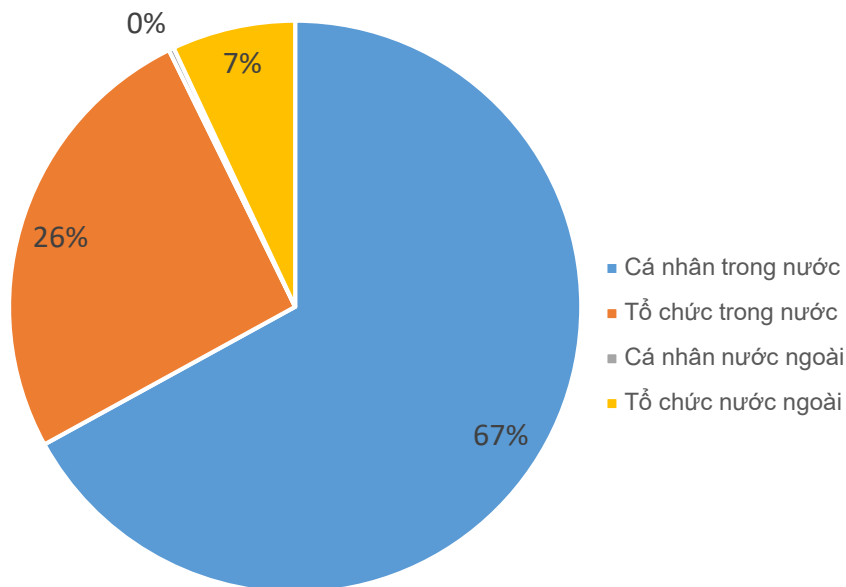
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TCB	96,352	TRC	43,968
KOS	56,000	MSN	11,691
FPT	4,274	VIC	10,981
PNJ	3,665	MBB	8,740
MWG	2,913	FPT	6,455

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

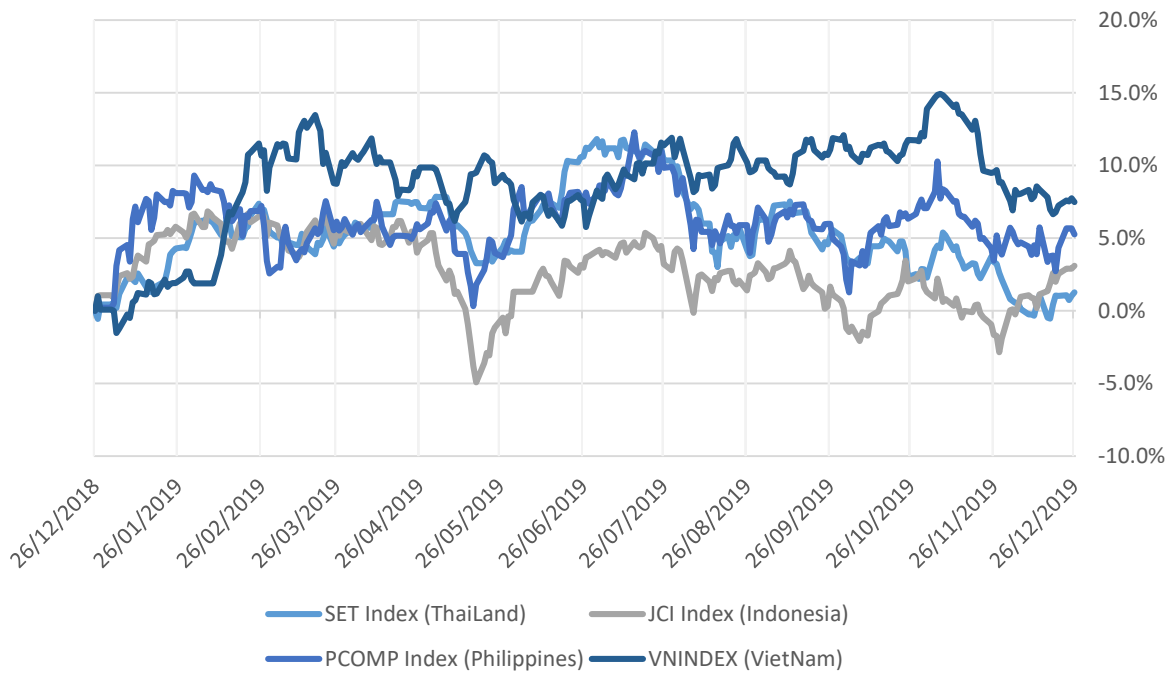


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

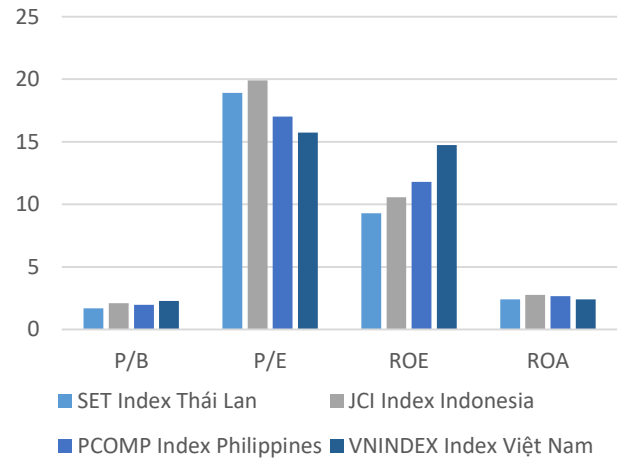
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.9x	17.0x	15.7x
ROE	%	9.28	10.57	11.79	14.74
ROA	%	2.41	2.77	2.66	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	551.85	522.79	192.90	141.52
GTGD	Triệu USD	0.57	0.35	0.08	0.12
LS cổ tức	%	3.24	2.40	1.60	2.03

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qué**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written